

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

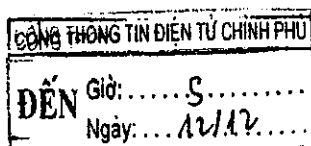
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/ 2016/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 08 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung giá đất một số đoạn đường, tuyến đường vào Mục B – Bảng phân loại đường và giá đất ở đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Pleiku năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015-2019)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tại Tờ trình số 2493/TTr-STNMT ngày 09 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá đất một số đoạn đường, tuyến đường vào Mục B - Bảng phân loại đường và giá đất ở đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015-2019), cụ thể như sau:

DVT: đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn		Vị trí	Giá đất	
		Từ	Đến		Loại đường	Giá đất
1	Cách Mạng Tháng Tám (nối dài)	Tôn Thất Tùng	Cổng	1	3D	2.700.000

2	Đường Đ2	Đường Đ3	Lý Thường Kiệt	1	4D	800.000
3	Đường Đ6 (Đặng Văn Ngừ nổi dài)	Đặng Văn Ngừ	Đường Đ2	1	4C	1.000.000
4	Đường Đ10	Đường Đ2	Đường Đ4	1	4D	800.000
5	Đường D2 (khu dân cư Phụng Hoàng 1)	Đường D1 (khu dân cư Phụng Hoàng 1)	Lê Đức Thọ	1	4C	1.000.000
6	Đường D3 (khu dân cư Phụng Hoàng 1)	Nguyễn Thượng Hiền	Đường D2 (khu dân cư Phụng Hoàng 1)	1	4C	1.000.000
7	Đường D8 (khu dân cư Phụng Hoàng 1)	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Bình	1	4C	1.000.000

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Tư pháp; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku; thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Gia Lai;
- Các PVP UBND tỉnh;
- TT tin học;
- Lưu: VT, CNXD, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI HỌ CHỦ TỊCH



Kpă Thuyên